

KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

-----

**ĐỀ TÀI:** MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG  
CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ ĐỊNH TẠI NHÀ  
KHÁCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm qua thực hiện đường lối phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng XHCN nền kinh tế nước ta đã có sự biến đổi sâu sắc và phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó một số doanh nghiệp đã gặp khó khăn trong việc huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất, các doanh nghiệp phải sử dụng một số vốn nhất định để đầu tư, mua sắm các yếu tố cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như tài sản cố định (TSCĐ), trang thiết bị. Vốn đó gọi là vốn kinh doanh của doanh nghiệp (DN). Vì vậy vốn là điều kiện cơ sở vật chất không thể thiếu được đối với mọi doanh nghiệp.

Vốn kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm vốn cố định (VCF) và vốn lưu động, việc khai thác sử dụng VCF của các kỳ kinh doanh trước, doanh nghiệp sẽ đặt ra các biện pháp, chính sách sử dụng cho các kỳ kinh doanh tới sao cho có lợi nhất để đạt được hiệu quả cao nhất nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cho DN.

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của hiệu quả sử dụng VCF đối với các DN, trong quá trình học tập ở trường và thời gian kiến tập, tìm hiểu, nghiên cứu tại nhà khách Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô giáo và các cán bộ nhân viên phòng tài chính kế toán em đã mạnh dạn chọn đề tài "***Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định tại nhà khách Tổng liên đoàn lao động Việt Nam***". Với mong muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc cải tiến và nâng cao hiệu quả sử dụng VCF tại nhà khách.

Đây thực sự là một vấn đề phức tạp mà giải quyết nó không những phải có kiến thức, năng lực mà còn phải có kinh nghiệm thực tế. Mặt khác do những hạn chế nhất định về mặt trình độ, thời gian đi kiến tập ngắn nên chắc chắn đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo trong bộ môn.

Kết cấu của đề tài ngoài lời mở đầu và kết luận còn có 3 phần chính sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận về vốn cố định và tài sản cố định trong các doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng quản trị vốn cố định tại nhà khách Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Chương III : Một số giải pháp và kiến nghị tại nhà khách Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

# CHƯƠNG I

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VCD VÀ TSCĐ

### TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

#### 1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ VỐN CỐ ĐỊNH

##### 1.1.1. Tài sản cố định

###### 1.1.1.1. Khái niệm

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp (DN) phải có các yếu tố: sức lao động, tư liệu lao động, và đối tượng lao động.

Khác với các đối tượng lao động (nguyên nhiên vật liệu sản phẩm dở dang, bán thành phẩm...) các tư liệu lao động (như máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải...) là những phương tiện vật chất mà con người sử dụng để tác động vào đối tượng lao động, biến đổi nó theo mục đích của mình.

Bộ phận quan trọng nhất trong các tư liệu lao động sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của DN là các TSCĐ. Đó là những tư liệu lao động chủ yếu được sử dụng một cách trực tiếp hay gián tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh như máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, các công trình kiến trúc, các khoản chi phí đầu tư mua sắm các TSCĐ vô hình.... Thông thường một tư liệu lao động được coi là 1 TSCĐ phải đồng thời thoả mãn hai tiêu chuẩn cơ bản:

- Một là phải có thời gian sử dụng tối thiểu, thường là 1 năm trở lên
- Hai là phải đạt giá trị tối thiểu ở một mức quy định. Tiêu chuẩn này được quy định riêng đối với từng nước và có thể được điều chỉnh cho phù hợp với mức giá cả của từng thời kỳ.

Những tư liệu lao động không đủ các tiêu chuẩn quy định trên được coi là những công cụ lao động nhỏ, được mua sắm bằng nguồn vốn lưu động của DN.

Từ những nội dung trình bày trên, có thể rút ra định nghĩa về TSCĐ trong DN như sau :

"Tài sản cố định (TSCĐ) của DN là những tài sản chủ yếu có giá trị lớn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm trong các chu kỳ sản xuất"

#### ***1.1.1.2 Đặc điểm :***

Đặc điểm các TSCĐ trong doanh nghiệp là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất sản phẩm với vai trò là các công cụ lao động. Trong quá trình đó hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ là không thay đổi. Song giá trị của nó lại được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của DN và được bù đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

#### ***1.1.1.3 Phân loại TSCĐ của DN***

Phân loại TSCĐ là việc phân chia toàn bộ TSCĐ của DN theo những tiêu thức nhất định nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của DN. Thông thường có những cách phân loại chủ yếu sau đây :

##### ***1.1.1.3.1 Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện***

Theo phương pháp này TSCĐ của DN được chia thành hai loại : TSCĐ có hình thái vật chất (TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất (TSCĐ vô hình).

TSCĐ hữu hình : là những tư liệu lao động chủ yếu được biểu hiện bằng các hình thái vật chất cụ thể như nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, các vật kiến trúc.... Những TSCĐ này có thể là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh.

TSCĐ vô hình : là những TSCĐ không có hình thái vật chất cụ thể, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của DN như chi phí thành lập DN, chi phí về đất sử dụng, chi phí

mua sắm bằng sáng chế, phát minh hay nhãn hiệu thương mại, giá trị lợi thế thương mại....

Cách phân loại này giúp cho DN thấy được cơ cấu đầu tư vào TSCĐ hữu hình và vô hình. Từ đó lựa chọn các quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh các cơ cấu đầu tư sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

#### *1.1.1.3.2 Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng*

Theo tiêu thức này toàn bộ TSCĐ của DN được chia thành 3 loại :

\* TSCĐ dùng cho mục đích kinh doanh : là những TSCĐ dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản và hoạt động sản xuất kinh doanh phụ của doanh nghiệp.

\* TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng. Đó là những TSCĐ do DN quản lý và sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp (như các công trình phúc lợi)

Các TSCĐ sử dụng cho hoạt động đảm bảo an ninh quốc phòng của doanh nghiệp

\* Các TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ Nhà nước.

Đó là những TSCĐ DN bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cho Nhà nước theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Cách phân loại này giúp cho DN thấy được cơ cấu TSCĐ của mình theo mục đích sử dụng của nó. Từ đó có biện pháp quản lý TSCĐ theo mục đích sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

#### *1.1.1.3.3 Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế*

Căn cứ vào công dụng kinh tế của TSCĐ, toàn bộ TSCĐ của DN có thể chia thành các loại sau :

\* Nhà cửa, vật kiến trúc : là những TSCĐ của DN được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như nhà xưởng, trụ sở làm việc nhà kho, tháp nước, hàng rào, sân bay, đường xá, cầu cảng.....

\* Máy móc thiết bị : là toàn bộ các loại máy móc thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của DN như máy móc thiết bị động lực, máy móc công tác, thiết bị chuyên dùng....

\* Phương tiện vận tải , thiết bị truyền dẫn : là các loại phương tiện vận tải như phương tiện đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, hệ thống thông tin, đường ống dẫn nước....

\* Thiết bị dụng cụ quản lý : là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh như máy vi tính, thiết bị điện tử, thiết bị khác, dụng cụ đo lường máy hút bụi, hút ẩm....

\* Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm : là các loại vườn cây lâu năm như vườn chè, vườn cà phê, vườn cây cao su, vườn cây ăn quả, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn bò, đàn ngựa....

\* Các loại TSCĐ khác : là toàn bộ các loại TSCĐ khác chưa liệt kê vào 5 loại trên như tác phẩm nghệ thuật, tranh thảm....

Cách phân loại này cho thấy công dụng cụ thể của từng loại TSCĐ trong DN, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao TSCĐ chính xác.

#### *1.1.1.3.4 Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng :*

Căn cứ vào tình hình sử dụng TSCĐ người ta chia TSCĐ của DN thành các loại :

\* TSCĐ đang sử dụng : Đó là những TSCĐ của DN đang sử dụng cho các hoạt động SXKD hoặc các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp hay an ninh , quốc phòng của DN.

\* TSCĐ chưa cần dùng: là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động SXKD hay các hoạt động khác của DN, song hiện tại chưa cần dùng, đang được dự trữ để sử dụng sau này.

\* TSCĐ không cần dùng chờ thanh lý : là những TSCĐ không cần thiết hay không phù hợp với nhiệm vụ SXKD của DN, cần được thanh lý, nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra ban đầu.

Cách phân loại này cho thấy mức độ sử dụng có hiệu quả các TSCĐ của DN như thế nào, từ đó, có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng chúng.

*1.1.1.3.5 Phân loại TSCĐ căn cứ vào quyền sở hữu được chia thành 3 loại :*

\* TSCĐ tự có : là những TSCĐ được mua sắm, đầu tư bằng nguồn vốn tự có (ngân sách cấp, coi nhu ngân sách cấp và trích quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) để phục vụ cho mục đích SXKD của DN.

\* TSCĐ thuê tài chính : là những TSCĐ DN thuê của công ty cho thuê tài chính.

\* TSCĐ thuê sử dụng : là những TSCĐ DN thuê của DN khác để sử dụng trong một thời gian có tính chất thời vụ để phục vụ nhiệm vụ SXKD của DN.

Mỗi cách phân loại trên đây cho phép đánh giá , xem xét kết cấu TSCĐ của DN theo các tiêu thức khác nhau. Kết cấu TSCĐ là tỷ trọng giữa nguyên giá của 1 loại TSCĐ nào đó so với tổng nguyên giá các loại TSCĐ của DN tại 1 thời điểm nhất định.

#### ***1.1.1.4 Vai trò và ý nghĩa của TSCĐ đối với hoạt động của DN***

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật là yếu tố chủ yếu thể hiện năng lực sản xuất kinh doanh của DN. Nói cách khác TSCĐ là "hệ thống xương" và bấp thịt của quá trình kinh doanh. Vì vậy trang thiết bị hợp lý, bảo quản và sử dụng tốt TSCĐ có ý nghĩa quyết định đến việc tăng năng suất lao động, tăng chất lượng kinh doanh, tăng thu nhập và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh , TSCĐ có vai trò hết sức lớn lao và bất kỳ hoạt động kinh doanh nào muốn diễn ra đều phải có TSCĐ.

Như trên đã nói TSCĐ là 1 "hệ thống xương" và "bấp thịt" của quá trình kinh doanh . Thật vậy bất kỳ 1 DN nào muốn chấp hành kinh doanh đều phải có TSCĐ , có thể là TSCĐ của DN, hoặc là TSCĐ đi thuê ngoài. Tỷ trọng của TSCĐ trong tổng số vốn kinh doanh của DN cao hay thấp phụ



thuộc vào tính chất kinh doanh từng loại hình. Các đơn vị kinh doanh có các loại hàng giá trị lớn thì tỉ trọng TSCĐ của nó thấp hơn so với đơn vị kinh doanh mặt hàng có giá trị nhỏ. Tỷ trọng TSCĐ càng lớn (nhưng phải nằm trong khuôn khổ của nhu cầu sử dụng TSCĐ) thì chứng tỏ trình độ kinh doanh của DN càng hiện đại với kỹ thuật cao.

Tuy nhiên DN hiện nay đang nằm trong tình trạng thiếu vốn để phát triển và tái sản xuất mở rộng vì vậy vấn đề phân bổ hợp lý TSCĐ và TSLĐ là rất quan trọng. Việc đầu tư vào TSCĐ phải thoả đáng tránh tình trạng thừa TSCĐ sử dụng không hết năng lực TSCĐ trong khi đó TSLĐ lại thiếu.

Cơ cấu các loại TSCĐ (TSCĐ hữu hình, vô hình và TSCĐ đi thuê) trong các DN phụ thuộc vào năng lực kinh doanh, xu hướng đầu tư kinh doanh, phụ thuộc vào khả năng dự đoán tình hình kinh doanh trên thị trường của lãnh đạo DN. Nói chung tỷ trọng TSCĐ trong các DN nó có tỷ trọng phụ thuộc vào đặc thù của ngành.

Việc sử dụng TSCĐ hợp lý có 1 ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó cho phép khai thác tối đa năng lực làm việc của TSCĐ góp phần làm giảm tỷ suất chi phí tăng doanh lợi cho DN. Mặt khác sử dụng TSCĐ hợp lý là 1 điều kiện đảm bảo giữ gìn hàng hoá sản phẩm an toàn và cũng chính là điều kiện bảo quản TSCĐ.

### **1.1.2 Vốn cố định**

#### **1.1.2.1 Khái niệm :**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, việc mua sắm xây dựng hay lắp đặt các TSCĐ của DN đều phải thanh toán, chi trả bằng tiền. Số vốn đầu tư ứng trước để mua sắm, xây dựng hay lắp đặt các TSCĐ hữu hình và vô hình được gọi là VCD của DN. Đó là số vốn đầu tư ứng trước vì số vốn này nếu được sử dụng có hiệu quả sẽ không mất đi, DN sẽ thu hồi lại được sau khi tiêu thụ các sản phẩm, hàng hoá hay dịch vụ của mình. Như vậy, khái niệm VCD "là giá trị những TSCĐ mà DN đã đầu tư vào quá trình sản xuất kinh doanh là 1 bộ phận vốn đầu tư ứng trước về TSCĐ mà đặc điểm luân chuyển của nó là

chuyển dần vào chu kỳ sản xuất và hoàn thành 1 vòng tuần hoàn khi hết thời hạn sử dụng"

#### **1.2.2.2. Đặc điểm :**

\* Vốn cố định (VCD) tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất sản phẩm, điều này do đặc điểm của TSCĐ được sử dụng lâu dài trong nhiều chu kỳ sản xuất quyết định .

\* VCD được luân chuyển dần dần từng phần trong các chu kỳ sản xuất.

Khi tham gia vào quá trình sản xuất, 1 bộ phận VCD được luân chuyển và cấu thành chi phí sản xuất sản phẩm (dưới hình thức chi phí khấu hao) tương ứng với phần giá trị hao mòn của TSCĐ.

\* Sau nhiều chu kỳ sản xuất VCD mới hoàn thành 1 vòng luân chuyển. Sau mỗi chu kỳ sản xuất phần vốn được luân chuyển vào giá trị sản phẩm dần dần tăng lên, song phần vốn đầu tư ban đầu vào TSCĐ lại dần giảm xuống cho đến khi TSCĐ hết thời gian sử dụng, giá trị của nó được chuyển dịch hết vào giá trị sản phẩm đã sản xuất thì VCD mới hoàn thành 1 vòng luân chuyển.

**1.1.2.3 Tính chất:** VCD là số vốn đầu tư để mua sắm TSCĐ do đó quy mô của VCD lớn hay nhỏ phụ thuộc vào khả năng tài chính của từng DN ảnh hưởng tới trình độ trang thiết bị dây chuyền công nghệ.

### **1.2. NỘI DUNG QUẢN TRỊ VCD :**

Quản trị VCD là 1 nội dung quan trọng trong quản lý vốn kinh doanh của các doanh nghiệp

#### **1.2.1 Khai thác và tạo lập nguồn VCD của DN.**

Khai thác và tạo lập nguồn VCD đáp ứng nhu cầu đầu tư TSCĐ là khâu đầu tiên trong quản trị VCD của DN. Để định hướng cho việc khai thác và tạo lập nguồn VCD đáp ứng yêu cầu đầu tư các DN phải xác định được nhu cầu vốn đầu tư vào TSCĐ trong những năm trước mắt và lâu dài. Căn cứ vào các dự án đầu tư TSCĐ đã được thẩm định để lựa chọn và khai thác các nguồn vốn đầu tư phù hợp.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, DN có thể khai thác nguồn vốn đầu tư vào TSCĐ từ nhiều nguồn khác nhau như từ lợi nhuận để lại tái đầu tư, từ nguồn vốn liên doanh liên kết, từ ngân sách Nhà nước, tài trợ, từ vốn vay dài hạn ngân hàng.... Mỗi nguồn vốn trên có ưu điểm, nhược điểm riêng và điều kiện thực hiện khác nhau, chi phí sử dụng khác nhau. Vì thế trong khai thác, tạo lập các nguồn VCD, các DN vừa phải chú ý đa dạng hoá các nguồn tài trợ, cân nhắc kỹ các ưu nhược điểm từng nguồn vốn để lựa chọn cơ cấu nguồn tài trợ VCD hợp lý và có lợi nhất cho DN. Những định hướng cơ bản cho việc khai thác, tạo lập các nguồn VCD cho các DN là phải đảm bảo khả năng tự chủ của DN trong SXKD, hạn chế và phân tán rủi ro, phát huy tối đa những ưu điểm của các nguồn vốn được huy động. Điều này đòi hỏi không chỉ ở sự năng động, nhạy bén của từng DN mà còn ở việc đổi mới các chính sách, cơ chế tài chính của Nhà nước ở tầm vĩ mô để tạo điều kiện cho DN có thể khai thác, huy động các nguồn vốn cần thiết.

Để dự báo các nguồn vốn đầu tư vào TSCĐ các DN có thể dựa vào các căn cứ sau đây :

- Quy mô và khả năng sử dụng quỹ đầu tư phát triển hoặc quỹ khấu hao đầu tư mua sắm TSCĐ hiện tại và các năm tiếp theo.

Khả năng ký kết các hợp đồng liên doanh với các DN khác để huy động nguồn vốn góp liên doanh.

Khả năng huy động vốn vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại hoặc phát hành trái phiếu DN trên thị trường vốn.

Các dự án đầu tư TSCĐ tiềm khả thi và khả thi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **1.2.2 Bảo toàn và phát triển VCD**

Bảo toàn vốn sản xuất nói chung, VCD nói riêng là nghĩa vụ của DN, để bảo vệ lợi ích của Nhà nước về vốn đã đầu tư, là điều kiện để DN tồn tại và phát triển , tăng thu nhập cho người lao động và làm nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Thời điểm bảo toàn VCD trong các DN thường được tiến hành vào cuối kỳ kế hoạch. Căn cứ để tính toán bảo toàn vốn là thông báo của Nhà nước ở thời điểm tính toán về tỉ lệ % trượt giá của đồng Việt Nam và tỷ giá hối đoái của đồng ngoại tệ. Nội dung của bảo toàn VCD bao gồm 2 mặt hiện vật và giá trị.

\* Bảo toàn VCD về mặt hiện vật là phải duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của TSCĐ. Điều đó có nghĩa là trong quá trình sử dụng DN phải theo dõi quản lý chặt chẽ không để mất mát, không để hư hỏng trước thời hạn quy định.

\* Bảo toàn VCD về mặt giá trị là phải duy trì được sức mua của VCD ở mọi thời điểm, so với thời điểm bỏ vốn đầu tư ban đầu kể cả những biến động về giá cả, tỷ giá hối đoái, ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kỹ thuật. Ngoài trách nhiệm bảo toàn vốn các DN còn có trách nhiệm phát triển VCD trên cơ sở quỹ đầu tư phát triển sản xuất trích từ lợi nhuận để đầu tư xây dựng mua sắm, đổi mới nâng cấp TSCĐ.

Để bảo toàn và phát triển được VCD các DN cần phải phân tích tìm ra các tổn thất VCD : có các biện pháp bảo toàn VCD như sau :

- Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo các quy định của Nhà nước.

- Chủ động, phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh bằng cách mua bảo hiểm tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp như lập quỹ dự phòng giảm giá.

- Phải đánh giá giá trị của TSCĐ, qui mô VCD phải bảo toàn, khi cần thiết phải điều chỉnh kịp thời giá trị của TSCĐ. Để đánh giá đúng giá trị của TSCĐ thường có 3 phương pháp chủ yếu sau:

+ Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá. Theo cách này thì tùy theo từng loại TSCĐ hữu hình và vô hình để thực hiện.

Xác định nguyên giá theo quy định hiện hành.

+ Đánh giá TSCĐ theo giá trị khôi phục (đánh giá lại) là giá trị thực tế của TSCĐ trên thị trường tại thời điểm đánh giá. Do tiến bộ kh khách hàng giá đánh lại TSCĐ thường thấp hơn giá trị ban đầu. Tuy nhiên trong trường hợp có biến động giá cả, tỷ giá hối đoái thì giá đánh lại có thể cao hơn giá trị ban đầu của TSCĐ. Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà doanh nghiệp có thể điều chỉnh mức khấu hao theo một hệ số thích hợp.

+ Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại: cách đánh giá này thường chỉ áp dụng trong những trường hợp doanh nghiệp được cấp, được nhận TSCĐ từ doanh nghiệp khác chuyển đến.

Ngoài các biện pháp cơ bản để bảo toàn VCD như trên. Các doanh nghiệp nhà nước cần thực hiện tốt quy chế giao vốn và trách nhiệm bảo toàn vốn.

Trên đây là những liệu pháp chủ yếu, bảo toàn phát triển vốn sản xuất nói chung và VCD nói riêng các doanh nghiệp không thể tách rời việc thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc sử dụng VCD trong từng thời kỳ.

### **1.2.3. Các phương pháp khấu hao trong kinh doanh**

Về nguyên tắc khấu hao phải phù hợp với sự hao mòn thực tế của TSCĐ. Nếu khấu hao thấp hơn mức khấu hao thực tế thì không đảm bảo thu hồi đủ vốn khi hết thời gian sử dụng, ngược lại nếu khấu hao cao hơn mức khấu hao thực tế thì sẽ làm tăng mức chi phí kinh doanh giả tạo và làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy các doanh nghiệp phải lựa chọn phương pháp khấu hao phù hợp với chiến lược khấu hao trong doanh nghiệp.

#### **\* Phương pháp khấu hao bình quân**

Đây là phương pháp khấu hao đơn giản nhất được sử dụng khá phổ biến để khấu hao trong doanh nghiệp theo phương pháp này tỷ lệ khấu hao và mức khấu hao được xác định theo mức không đổi trong suốt thời gian sử dụng TSCĐ.

$$\overline{M}_{KH} = \frac{\overline{NG}}{T}$$

$\overline{M}_{KH}$  : Khấu hao trung bình hàng năm

$\overline{NG}$  : Nguyên giá của TSCĐ

T: Thời gian sử dụng của TSCĐ.

Phương pháp khấu hao giảm dần.

Đây là phương pháp đưa lại số khấu hao rất lớn trong những năm đầu của thời gian sử dụng TSCĐ và càng về những năm sau mức khấu hao càng giảm dần. Theo phương pháp này bao gồm phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần và phương pháp khấu hao theo tổng số thứ tự năm

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần.

Đây là phương pháp khấu hao gia tốc nhưng mức khấu hao hàng năm sẽ khác nhau theo chiều hướng giảm dần và được xác định như sau:

Công thức:  $M_{KHi} = G_{CLi} \times T_{KH}$

Trong đó:  $M_{KHi}$ : Mức khấu hao ở năm thứ i

$G_{CLi}$ : Giá trị còn lại của TSCĐ ở đầu năm thứ i

$T_{KH}$ : Tỷ lệ khấu hao không đổi

Công thức tính:

$$T_{KH} = \overline{T}_{KH} \times H_{dc}$$

$T_{KH}$ : Tỷ lệ khấu hao bình quân ban đầu

$H_{dc}$ : Hệ số điều chỉnh

\* Phương pháp khấu hao theo tổng số thứ tự năm.

Công thức:

$$M_{KHi} = NG \times T_{KHi}$$

$$T_{KHi} = \frac{2(T - t + 1)}{T(T + 1)}$$

Trong đó:

$M_{KHi}$ : Mức khấu hao hàng năm.

NG: Nguyên giá của TSCĐ.

$T_{KHi}$ : Tỷ lệ khấu hao theo năm sử dụng .

T: Thời gian dự kiến sử dụng TSCĐ

t: Thứ tự năm cần tính tỷ lệ khấu hao.

\* Phương pháp khấu hao kết hợp:

Để khắc phục nhược điểm của 2 phương pháp để tính khấu hao, thực chất là trong những năm đầu sử dụng TSCĐ doanh nghiệp dùng phương pháp khấu hao giảm dần những năm về cuối thì dùng phương pháp khấu hao bình quân.

Mức khấu hao bình quân trong những năm cuối thời gian sử dụng sẽ được tính bằng cách:

#### **1.2.4. Phân cấp quản lý VCD**

Theo quy chế hiện hành của nước ta thực hiện đối với các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước được các quyền chủ động sau đây trong việc sử dụng VCD.

\* Doanh nghiệp được chủ động trong việc sử dụng VCD và quỹ để phục vụ cho kinh doanh theo nguyên tắc hiệu quả nhưng phải bảo toàn và phát triển VCD.

\* Doanh nghiệp được quyền thay đổi cơ cấu tài sản và các loại vốn thích hợp với đặc tính SXKD của mình.

\* Doanh nghiệp được quyền cho các tổ chức cá nhân trong nước thuê hoạt động tài sản nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ và tăng thu nhập cho doanh nghiệp, nhưng doanh nghiệp phải theo dõi và thu hồi VCD cho đến khi hết thời hạn sử dụng.

\* Doanh nghiệp được quyền đem quyền quản lý và sử dụng vốn của mình để cầm cố, thế chấp, vay vốn hoặc bảo lãnh tại tổ chức tín dụng theo yêu cầu của pháp luật hiện hành.

\* Doanh nghiệp được quyền nhượng bán các tài sản không cần dùng hoặc tài sản lạc hậu về mặt kỹ thuật để thu hồi và được thanh lý những tài sản đã hết năng lực sản xuất hoặc hao mòn vô hình loại 3 nhưng trước khi thanh lý phải báo với các cơ quan tài chính cấp trên biết để quản lý.

\* Doanh nghiệp được sử dụng vốn và tài sản, quyền sử dụng đất để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **1.2.5. Rủi ro trong việc sử dụng TSCĐ và VCD.**

Để hạn chế tổn thất về TSCĐ và VCD do nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra. Doanh nghiệp phải dùng các biện pháp sau đây:

- Phải thực hiện mua bảo hiểm tài sản đầy đủ.
- Lập quỹ dự phòng tài chính, trích trước chi phí dự phòng và giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

### **1.2.6. thực hiện chế độ bảo dưỡng sửa chữa lớn TSCĐ.**

Doanh nghiệp cần cân nhắc tính toán hiệu quả kinh tế của sửa chữa lớn và đầu tư mới TSCĐ.

Nếu sức sản xuất của TSCĐ bị giảm sút quá nhiều ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của TSCĐ thì tốt nhất doanh nghiệp phải thực hiện đầu tư mới. Tuy nhiên việc đầu tư mới đòi hỏi phải có 1 nguồn vốn mới khá lớn vì vậy doanh nghiệp cần phân tích kỹ chi phí sản xuất và đầu tư mới để đưa ra quyết định hợp lý,

## **1.3. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VCD.**

### **1.3.1. Hiệu suất sử dụng VCD (HSSDVC Đ).**

Công thức:

$$\text{HSSD VCD} = \frac{\text{Doanh thu (Doanh thu thuần)}}{\text{VCD}}$$

$$\text{VCD} = \frac{\text{VCD đầu kỳ} + \text{VCD cuối kỳ}}{2}$$

$$\text{VCD đầu kỳ (cuối kỳ)} = \text{Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ (cuối kỳ)} - \text{khấu hao lũy kế đầu kỳ (cuối kỳ)}$$



$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao lũy} \\ \text{kế cuối kỳ} \end{array} = \text{Khấu hao đầu kỳ} + \begin{array}{l} \text{Khấu hao tăng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Khấu hao} \\ \text{giảm trong kỳ} \end{array}$$

### 1.3.2: Hàm lượng VCD (HLVCD)

Công thức:

$$\text{HLVCD} = \frac{\text{VCD}}{\text{Doanh thu (doanh thu thuần)}}$$

### 1.3.3. Tỷ suất lợi nhuận VCD (TSLN VCD)

$$\text{TSLN VCD} = \frac{\text{LN trước thuế (LN ròng)}}{\text{VCD}} \times 100\%$$

### 1.3.4. Hệ số hao mòn TSCĐ: (HSHM TSCĐ)

$$\text{HSHM TSCĐ} = \frac{\text{Khấu hao lũy kế}}{\text{Nguyên giá TSCĐ tại hội đồng đánh giá}}$$

### 1.3.5. Hiệu suất sử dụng TSCĐ: (HSSD TSCĐ)

$$\text{HSSDTSCĐĐ} = \frac{\text{Doanh thu (doanh thu thuần)}}{\text{NG TSCĐ}}$$

### 1.3.6. Hệ số trang bị TSCĐ : (HSTB TSCĐ)

$$\text{HSTBS TSCĐ} = \frac{\text{Khấu hao lũy kế}}{\text{Nguyên giá TSCĐ tại hội đồng đánh giá}}$$

### 1.3.7. Tỷ suất đầu tư TSCĐ: (HSĐT TSCĐ)

$$\text{TSĐTTSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

**1.3.8. Kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp:** Phản ánh quan hệ tỷ lệ giữa giá trị từng nhóm, loại TSCĐ trong tổng số giá trị TSCĐ của doanh nghiệp ở thời điểm đánh giá.

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VCD TẠI NHÀ KHÁCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

#### 2.1. KHÁI QUÁT VỀ NHÀ KHÁCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Nhà khách Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (NKTLĐLĐVN)

(Trích hiến pháp nước CHXHCNVN 1992 - Điều 10)

\* Công đoàn là một tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động cùng với các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, chăm lo và bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công nhân viên chức và những người lao động khác, tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia kiểm tra giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế giáo dục cán bộ, công nhân viên chức và những người lao động khác xây dựng và bảo vệ tổ quốc..."

Chính vì lý do đó Nhà khách Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập với cái tên ban đầu là Trạm trung chuyển Tổng Liên đoàn vào ngày 21/1/1997 căn cứ theo quyết định số 648 QĐ-TLĐ ngày 5/4/1996 của đoàn chủ tịch T LĐ và thông báo số 3864 ngày 23/12/1994 của Chính phủ và Ủy ban kế hoạch Nhà nước.

- Trụ sở chính: số 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trạm có nhiệm vụ: phục vụ cán bộ Công đoàn và CNVC trong hệ thống Công đoàn về làm việc với cơ quan TLĐ.

- Phục vụ hội nghị Ban chấp hành Tổng liên đoàn hàng năm và hội nghị của các Ban chuyên đề TLĐ.

- Phục vụ khách quốc tế của TLĐ.

- Tận dụng công suất của Trạm đón nhận khách nghỉ có thu tiền để bù đắp chi phí của trạm.

Sau hai năm hoạt động trạm trung chuyển TLĐ đổi tên thành NKTLĐLĐVN vào ngày 5/3/1999. Căn cứ theo quyết định số 648/QĐ-TLĐ ngày 5/4/1996 của đoàn chủ tịch TLĐLĐVN và số 187-QĐ-TLĐ ngày 21/1/1997.

- Chuyển trụ sở về: số 95 Trần Quốc Toản Hà Nội

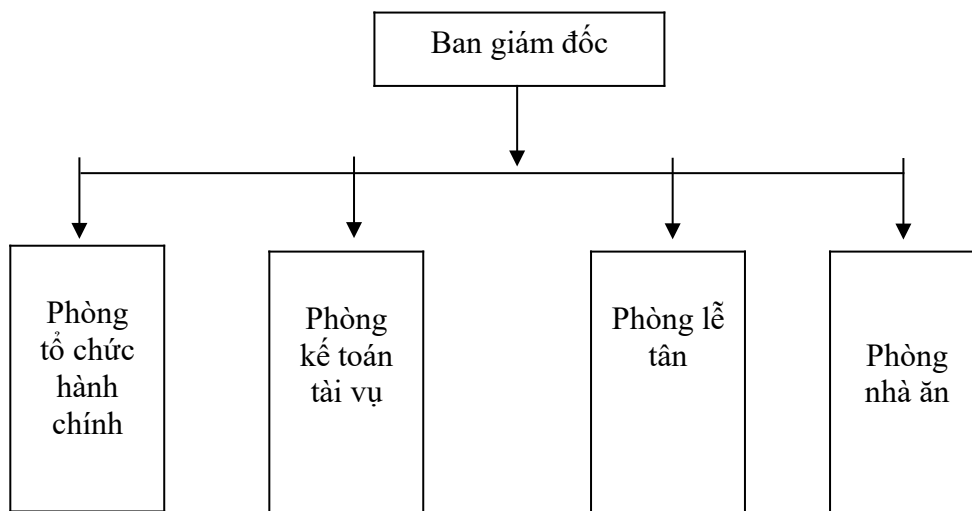
- Điện thoại liên hệ" 04.8222 521

- Có chức năng, nhiệm vụ giống quyết định số 187/QĐ-TLĐ ngày 21/11/1997 và văn bản số 1298/CP-KTTH ngày 1/11/1998 của Chính phủ.

\* Cơ cấu tổ chức quản lý:

NKTLĐLĐViệt Nam là đơn vị hạch toán độc lập có thu chi.

Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý của NKTLĐLĐViệt Nam



Ban giám đốc: Là người có quyền cao nhất và chịu trách nhiệm về hoạt động của nhà khách theo pháp luật. Bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện theo phương án kinh doanh đã được TLĐ phê duyệt. Trình TLĐ về hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của nhà khách trước TLĐ.

\* Phòng tổ chức hành chính:

Có chức năng giúp việc giám đốc và ban lãnh đạo nhà khách thực hiện tốt về công tác quản lý nhân sự. Tuyển dụng, đào tạo, xếp lương, thi đua khen

thường, kỷ luật, bảo vệ nội bộ, sắp xếp công tác đời sống, vị trí làm việc, quan hệ đối chiếu, chăm lo sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên. Đảm bảo công tác văn thư, bí mật tài liệu, hồ sơ, quản lý lao động, an toàn lao động và BHXH theo chế độ chính sách của Nhà nước.

\* Phòng kế toán:

- Chức năng: Phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động kinh tế trong toàn nhà khách. Phòng kế toán tài chính là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh, vận tải, xuất nhập khẩu và các dịch vụ khác. Phục vụ trực tiếp cho nhà khách điều hành chỉ đạo sản xuất.

- Nhiệm vụ: Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các bộ phận kế hoạch thống kê trong phòng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.

+ Giúp đỡ giám đốc đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh như doanh thu, tiền lương, thuế... )

+ Ghi chép phản ánh số liệu có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của nhà khách, giám sát việc bảo quản, sử dụng tài sản của nhà khách.

+ Thống kê hàng tháng định kỳ cho ban lãnh đạo nắm tình hình để đề ra phương hướng phát triển.

+ Lập kế hoạch vốn, sử dụng vốn, biện pháp tạo nguồn vốn phục vụ quá trình SXKD, dùng cơ chế tài chính của doanh nghiệp tác động lại quá trình SXKD.

+ Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kịp thời phản ánh những thay đổi để lãnh đạo có biện pháp xử lý kịp thời.

+ Phản ánh chính xác tổng hợp số vốn hiện có và các nguồn hình thức, xác định hiệu quả sử dụng đồng vốn đưa vào sản xuất kinh doanh, quyết toán bóc tách các nguồn thu và tổng hợp chi phí của tất cả các lĩnh vực kinh doanh tính toán hiệu quả kinh tế, đem lại cho nhà khách.

+ Phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi phạm pháp luật, tham ô, lãng phí làm thất thoát tài sản, vi phạm chế độ kế toán tài chính (KTTC).

+ Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định của pháp lệnh kế toán tổng kê, chế độ KTTC của Nhà nước và trích nộp đầy đủ đối với nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.

- Phòng lễ tân:

Trưởng phòng có trách nhiệm xây dựng nội quy công tác của phòng, quy định rõ trách nhiệm của từng người, các nhân viên lễ tân có trách nhiệm đón tiếp phục vụ khách theo đúng yêu cầu có trong chương trình của nhà khách. Họ phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, phẩm chất đạo đức thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của nhà khách.

- Phòng nhà ăn:

Họ được coi là bộ phận sản xuất của nhà khách. Họ là người chuyên nấu nướng để phục vụ khách hàng và hội nghị. Họ có trách nhiệm phục vụ khách hàng khi họ có yêu cầu, do vậy đòi hỏi họ phải có nghiệp vụ và cũng thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ do nhà khách quy định.

## **2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức kế toán và cơ cấu vốn, cơ cấu nguồn.**

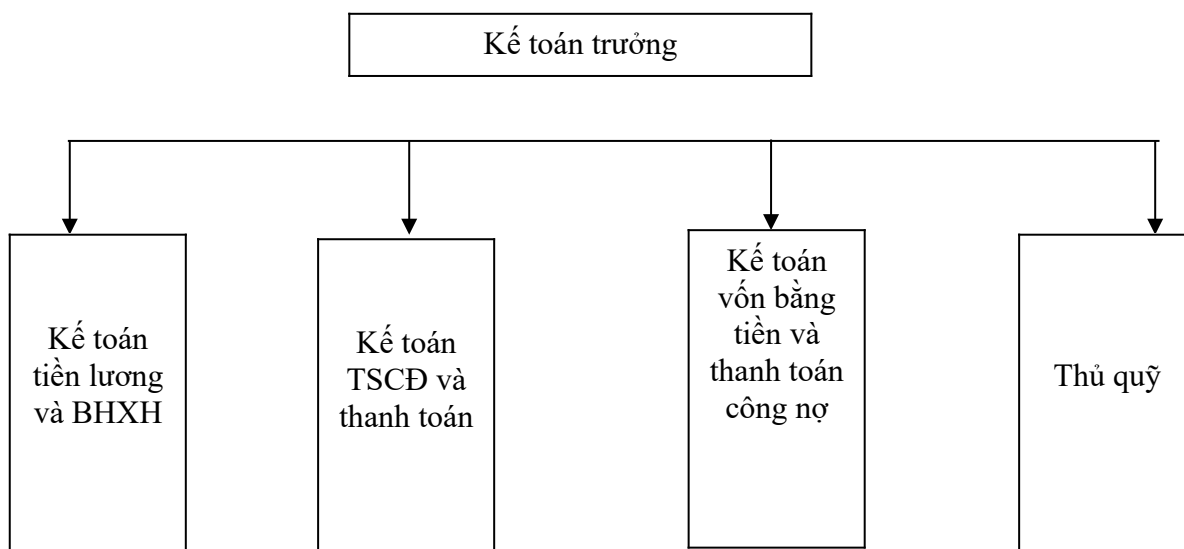
### **2.1.2.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức kế toán:**

Do đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh và những cơ sở, điều kiện tổ chức công tác kế toán mà NKTLĐLĐVN tổ chức bộ máy công tác kế toán theo hình thức tập trung và áp dụng phương thức kê khai thường xuyên. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán trong nhà khách đều được tiến hành xử lý tại phòng kế toán của nhà khách. Từ thu nhập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, các bộ phận ở trong doanh nghiệp. Các phòng ban chỉ lập chứng từ phát sinh gửi về phòng kế toán của nhà khách. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra, xử lý các thông tin kế toán được kịp thời, chặt chẽ, thuận tiện cho việc phân công lao động và chuyên môn hoá nâng cao năng suất lao động.

Ở nhà khách Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ngoài kế toán trưởng còn có 4 nhân viên kế toán họ đều có trình độ chuyên môn. Do vậy mọi người đều đảm nhiệm phần việc nặng nề đòi hỏi phải có sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao.

Bộ máy kế toán trong Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tổ chức theo hình thức tập trung được chia thành các bộ phận sau:

Sơ đồ tổ chức bộ máy công tác kế toán ở Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.



\* Kế toán trưởng: là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của nhà khách.

+ Nhiệm vụ của kế toán trưởng: Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý phù hợp với qui mô phát triển của nhà khách và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Phân công lao động kế toán phù hợp, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, đảm bảo cho từng bộ phận kế toán, từng nhân viên sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện

tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động.

+ Tổ chức kiểm kê định kỳ tài sản, vật tư tiền vốn xác định giá trị tài sản theo mặt bằng thị trường.

+ Chịu trách nhiệm lập và nộp đúng hạn báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao, tổ chức bảo quản giữ tài liệu chứng từ, giữ bí mật các số liệu thuộc quy định của Nhà nước.

\* Kế toán tiền lương và BHXH:

Có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức kiểm tra, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của nhà khách, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán còn lại như, nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương và BHXH.

+ Kế toán TSCĐ và thanh toán: có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số liệu có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng trang thiết bị và các TSCĐ khác của nhà khách, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa, thanh lý, nhượng bán các TSCĐ và nhiệm vụ thanh toán công nợ, thanh toán với Nhà nước.

+ Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán công nợ.

Theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, TSCĐ, TSLĐ, nguồn gốc và các quỹ xí nghiệp theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

\* Thủ quỹ:

- Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

- Hàng tháng vào sổ quỹ, làm các báo cáo quỹ kiểm kê số tiền thực tế trong két phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ, thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.



- Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

### **2.1.2.2. Đặc điểm cơ cấu về vốn và nguồn:**

\* Cơ cấu về vốn:

Trong nguồn vốn của nhà khách thì VCD chiếm một tỷ trọng lớn hơn so với VLD.

Thực trạng TSCĐ quý 4/2002

Số TT	Chứng từ		Tên TSCĐ	NG TSCĐ
	SH	NT		
1	382	17/10	Tủ bảo quản thực phẩm	46.110.000
2	385	18/10	Tivi (LG)	78.500.000
3	436	30/10	Hệ thống cung cấp nước sạch	27.000.000
4	490	18/11	Bộ đèn chiếu	22.997.700
5	520	26/11	Bộ âm li, đài	167.085.600
6	553	3/12	Sửa chữa lớn TSCĐ	119.580.000
7	597	17/12	Nồi giữ nhiệt	27.947.400

Qua số liệu trên VCD chiếm 65,67% so với tổng số vốn đã có tại thời điểm quý 4.

\* Hiệu suất sử dụng VCD của quý 4.

- Doanh thu ước tính đạt được là: 512.479.000 đồng

- VCD bình quân: 489.220.700 đồng

$$HSSDVCD = \frac{512.479.000}{489.220.700} = 1,0475$$

\* Cơ cấu nguồn:

- Nguồn vốn huy động chủ yếu của nhà khách thường được cấp trên cấp xuống để mua sắm trang thiết bị, ngoài ra còn được biếu tặng và nguồn vốn khác.

Thường trong các doanh nghiệp cơ cấu về vốn và nguồn vốn chiếm một tỷ lệ cao không chỉ có trong các doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm mà nó còn ở trong các doanh nghiệp, công ty và cụ thể như Nhà khách Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Về nguyên tắc VCD của doanh nghiệp được sử dụng cho các hoạt động đầu tư dài hạn, đầu tư chiều sâu (mua sắm, xây dựng,

nâng cấp các TSCĐ hữu hình và vô hình). Và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Nguồn gốc ra khi vốn nhàn rỗi chưa có nhu cầu sử dụng doanh nghiệp có thể sử dụng VCD như các loại vốn, quỹ tiền tệ khác của doanh nghiệp để phục vụ cho nhu cầu SXKD có hiệu quả theo nguyên tắc hoàn trả.

Qua số liệu thực tế tại nhà khách, em thấy cơ cấu vốn chiếm một tỷ lệ cao. Đây là loại hình Du lịch thương mại nhưng cơ cấu vốn và nguồn vốn chiếm tới một phần ba tổng số vốn hiện có.

Cụ thể như, mới chỉ quý 4 VCD chiếm tới 65,67%. Việc VCD chiếm một tỷ lệ cao là một điều rất quan trọng nó không chỉ giúp cho nhà khách trang trải mọi chi phí, nâng cấp TSCĐ, mua sắm thiết bị mới, ngoài ra nó còn giúp nhà khách tạo được thế lực trong cạnh tranh. Nhất là khi đang có nhiều Khách sạn được xây dựng.

Việc VCD chiếm một tỷ trọng cao nên đã giảm bớt gánh nặng cho việc huy động vốn.

Nhưng nhà khách vẫn có thể huy động vốn thêm để tránh những rủi ro không ngờ đến.

## **2.2. NỘI DUNG QUẢN TRỊ VCD TẠI NHÀ KHÁCH.**

Tại Nhà khách Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam việc áp dụng phương pháp quản trị VCD không những chỉ theo dõi nguồn vốn mà qua đó có thể nâng cao hiệu quả sử dụng VCD. Việc theo dõi và đưa các phương pháp quản trị VCD vào nâng cao hiệu quả sử dụng VCD chủ yếu diễn ra tại phòng kế toán tài vụ.

Phòng kế toán đã dùng các phương pháp quản trị VCD như khai thác và tạo lập nguồn vốn cố định, bảo toàn và phát triển VCD, các phương pháp khấu hao và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng VCD. Ngoài những phương pháp trên phòng còn dùng biện pháp khác để nhằm mục đích bảo toàn và phát triển nguồn VCD.

Cụ thể của từng phương pháp.

Như phương pháp bảo toàn và phát triển VCD, phòng đã đánh giá tình trạng, nguyên nhân của việc không bảo toàn được vốn, để có biện pháp xử lý và thường đánh giá theo hai cách, là đánh giá TSCĐ theo giá trị khôi phục (còn gọi là giá đánh lại) và theo giá trị còn lại. Việc áp dụng một trong hai cách này đã phần nào hạn chế sự thất thoát của nguồn vốn trong quá trình sử dụng TSCĐ.

Lựa chọn phương pháp khấu hao và xác định mức khấu hao thích hợp, không để mất vốn và hạn chế tối đa ảnh hưởng bất lợi cho hao mòn vô hình cũng được phòng áp dụng.

Chú trọng đổi mới trang thiết bị, nâng cấp, sửa chữa TSCĐ và kịp thời thanh lý TSCĐ không cần dùng hoặc đã hư hỏng, không dự trữ quá mức các TSCĐ không cần dùng là một trong những điểm mấu chốt của Nhà khách. Việc đổi mới trang thiết bị và sửa chữa TSCĐ luôn được Nhà khách chú trọng vì có nâng cấp, sửa chữa không chỉ có lợi về giá trị sản phẩm tạo ra máy tính cá nhân nó còn tránh được những tai nạn lao động không ngờ đến.

Việc dùng các biện pháp trên đã phần nào sự thất thoát của nguồn vốn và nó giúp cho nhà khách quản lý tốt nguồn vốn được giao, không những quản lý tốt nó còn giúp doanh nghiệp bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Đồng thời tạo điều kiện tài thuận lợi cho nhập khẩu có quyền chủ động hơn trong việc quản lý và sử dụng vốn cố định một cách có hiệu quả.

### **2.3. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VCD TẠI NHÀ KHÁCH**

- Kiểm tra, phân tích tài chính đánh giá hiệu quả sử dụng VCD là một nội dung quan trọng của hoạt động tài chính doanh nghiệp nói chung và Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam nói riêng. Thông qua kiểm tra phân tích giúp cho các doanh nghiệp có được những quyết định tài chính đúng đắn như việc điều chỉnh qui mô, cơ cấu vốn đầu tư, các biện pháp quản lý để khai thác sử dụng năng lực của TSCĐ và VCD đạt hiệu quả kinh tế cao.

Tại nhà khách việc dùng các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả sử dụng VCD là một vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết. Để xem xét cơ cấu vốn và

biết được nguồn vốn có đạt hiệu quả cao hay không thì phòng kế toán đã dùng các chỉ tiêu trong hai nhóm (Nhóm chỉ tiêu tổng hợp và chỉ tiêu phân tích VCD).

Cụ thể như chỉ tiêu hiệu suất sử dụng VCD qua chỉ tiêu này Nhà khách có thể biết được 1 đồng VCD bỏ ra trong kỳ có thể tạo ra mấy đồng doanh thu (doanh thu thuần).

Chỉ tiêu hàm lượng VCD và tỷ suất lợi nhuận VCD qua hai chỉ tiêu này có thể biết được 1 đồng doanh thu (Doanh thu thuần) cần mấy đồng VCD và xem xét lợi nhuận trước thuế (sau thuế) trên số VCD bảo quản sử dụng trong kỳ bao nhiêu phần trăm.

Nhóm thứ hai là chỉ tiêu phân tích VCD thì Nhà khách thường sử dụng chỉ tiêu hệ số hao mòn TSCĐ và hệ số trang thiết bị TSCĐ. Qua 2 chỉ tiêu này Nhà khách có thể biết được mức độ hao mòn TSCĐ ở thời điểm nào so với vốn đầu tư ban đầu, đồng thời qua đó thấy được hiện trạng và năng lực sản xuất của TSCĐ của Nhà khách.

**CHƯƠNG III**  
**MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**  
**TẠI NHÀ KHÁCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

**2.1. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VCD.**

**3.1.1. Những ưu điểm nổi bật trong công tác quản lý VCD.**

Tổ chức công tác kế toán ở Nhà khách là phù hợp với qui mô và đặc điểm của hình thức sản xuất. Bộ máy kế toán rất gọn nhẹ. Với việc phân công lao động cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành chính của công tác kế toán đều có người theo dõi, tổ chức đầy đủ đúng nội quy.

- Nhà khách đã tính đến qui mô tính chất và sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, phân ra cách ghi sổ, công việc của từng bộ phận một cách rõ ràng để mỗi kế toán viên phụ trách một hoặc hai bộ phận.

- Sổ sách kế toán đã sử dụng và thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính, tập hợp chứng từ gốc vào các sổ chi tiết TSCĐ và thẻ TSCĐ, sau đó ghi vào chứng từ ghi sổ một cách cụ thể. Số liệu chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ hoặc vào trực tiếp sổ cái để tiến hành lập bảng cân đối kế toán. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh một cách rõ ràng đầy đủ.

- Trong năm qua nhà khách đã mạnh dạn đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng cấp TSCĐ để đáp ứng nhu cầu SXKD của mình. Đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và không ngừng tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.

- Về cơ bản kế toán đã theo dõi được tình hình tăng giảm nguồn VCD. Khấu hao và kiểm kê TSCĐ theo đúng qui trình đảm bảo việc phản ánh đúng nguyên giá TSCĐ hiện có cũng như mức trích khấu hao.

- Nhà khách luôn có đội ngũ cán bộ có đầy đủ kinh nghiệm và năng lực để điều hành vững Nhà khách trong những năm qua. Cùng với những thành viên luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong mỗi công việc.

Bộ phận kế toán luôn cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác số liệu cho mọi đối tượng cần quan tâm đến nhất là bên quản lý như giám đốc. Để đề ra phương hướng và biện pháp kịp thời nhằm tạo ra của cải vật chất xã hội và đáp ứng nhu cầu đảm bảo đời sống cho người lao động. Ngoài những ưu điểm nêu trên Nhà khách còn tồn tại một số thiếu sót trong công tác quản lý và phát triển VCD.

### **3.1.2. Một số tồn tại trong công tác quản lý VCD.**

- VCD của Nhà khách chiếm một tỷ trọng rất lớn trong tổng số vốn. Tất cả số vốn đó được mua sắm, nâng cấp TSCĐ nhưng ngay từ quá trình đưa vào sử dụng Nhà khách chưa đưa a mức trích khấu hao cụ thể nên rất có thể gây thất thoát vốn và gây khó khăn trong việc quản lý VCD. Nếu không đưa ra mức trích khấu hao thì sẽ không biết bao giờ phải nâng cấp TSCĐ để bảo toàn và phát triển VCD.

- TSCĐ của Nhà khách chưa đề ra tổ chức đánh số TSCĐ theo dõi chi tiết đối tượng công tác thể TSCĐ. Việc đánh số phản ánh từng nhóm, từng loại sao cho được chặt chẽ hơn.

- Việc thanh lý TSCĐ còn diễn ra chậm chạp bởi hệ thống thủ tục còn rườm rà nên có thể gây ra thất thoát vốn trong quá trình thanh lý. Mỗi khi thanh lý hay nhượng bán Nhà khách phải lập phiếu xác định tình trạng kinh tế và tình trạng kỹ thuật cho TSCĐ. Lập tờ trình xin thanh lý gửi cho giám đốc và chỉ khi nào có quyết định cho phép Nhà khách mới được thanh lý. Vì vậy thường mất rất nhiều thời gian cho công việc này và làm ảnh hưởng đến việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại Nhà khách.

Trên đây là những mặt tồn tại trong công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng VCD tại Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Việc tìm ra phương hướng giải quyết các tồn tại này sẽ giúp cho công tác quản lý VCD tại Nhà khách được tốt hơn đồng thời nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng VCD tại Nhà khách.

### **3.2. GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VCD TẠI NHÀ KHÁCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM .**

Qua thời gian kiến tập tại Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam với đề tài: "Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng VCD tại Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam". Tuy thời gian tìm hiểu nghiên cứu thực tế tại Nhà khách bản thân em còn nhiều mặt hạn chế về kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tế. Song căn cứ vào một số tồn tại trong công tác quản lý VCD tại Nhà khách. Em cũng mạnh dạn nói lên những suy nghĩ chủ quan của mình, đề xuất đóng góp một vài ý kiến và giải pháp trong công tác quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng VCD mong muốn góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Nhà khách.

\*Giải pháp:

- Để giảm bớt chi phí quản lý TSCĐ, khấu hao TSCĐ và tránh lãng phí nguồn VCD đối với những TSCĐ không có hiệu quả hoặc không được sử dụng Nhà khách nên kiểm tra, xem xét những TSCĐ không có hiệu quả, cũ, lạc hậu, không còn sử dụng được nữa. Sau đó tìm các đối tác để cho thuê hoặc thanh lý TSCĐ để thu hồi lại nguồn vốn ban đầu. Do thiếu vốn nên Nhà khách cũng chưa dám mạnh dạn đổi mới trang thiết bị. Nên Nhà khách có thể huy động từ bên ngoài như vay vốn của ngân hàng thương mại, nhận tài trợ nhằm tăng hiệu quả sử dụng VCD và tạo ra sức cạnh tranh cho Nhà khách.

- Việc sử dụng TSCĐ có hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào trình độ của người sử dụng, ý thức trách nhiệm đối với công việc nói chung và trách nhiệm đối với việc quản lý và sử dụng TSCĐ nói riêng. Vì vậy Nhà khách cần chọn những nhân viên có trình độ kỹ thuật, hoặc thường xuyên đào tạo những nhân viên được giao quản lý TSCĐ để việc sử dụng TSCĐ có hiệu quả hơn.

- Áp dụng các biện pháp khấu hao TSCĐ hợp lý là một biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ. Vì vậy Nhà khách cũng cần xem xét lại

cách tính khấu hao trên csc để tránh việc tính khấu hao quá nhanh làm ảnh hưởng đến chi phí, làm giảm lợi nhuận trong quá trình kinh doanh hoặc khấu hao quá thấp làm cho việc thu hồi vốn bị chậm cũng gây ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh.

\* Kiến nghị:

+ Về phía Nhà khách:

Nhà khách có thể huy động vốn qua Ngân hàng với lãi suất thấp, nhận góp vốn liên doanh và có thể thuê TSCĐ ở công ty cho thuê tài chính. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ và tránh những tai nạn lao động, vừa làm tăng năng suất lao động và đem lại nhiều lợi nhuận cho Nhà khách.

+ Về phía Nhà nước:

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể huy động vốn một cách thuận tiện là giảm các luật lệ không cần thiết và lãi suất có thể giảm qua đó các doanh nghiệp tạo cho mình một lượng vốn nhất định nhằm tung năng suất và tăng lợi nhuận. Nên có thể đóng thuế cho Nhà nước một cách nghiêm chỉnh.

+ Về phía kế toán tài vụ:

Công tác quản lý TSCĐ là một việc khó khăn vì phải theo dõi nhiều công đoạn nên trang thiết bị của phòng đã xuống cấp. Nên phòng có thể đề nghị mua mới trang thiết bị như máy vi tính và một số vận dụng khác; Việc trang bị thiết bị mới có thể làm giảm tối thiểu công việc làm bằng tay, số liệu được đảm bảo đầy đủ và chính xác.

Ngoài ra phòng nên có chính sách thưởng phạt cho những ai làm tốt và làm kém, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong phòng.

Trên đây là những đề xuất ý kiến của em đối với Nhà khách, dẫn ý kiến đề xuất trên vẫn còn nông cạn, chưa sâu sắc nhưng em hy vọng nó sẽ giúp Nhà khách lang lại hiệu quả cao và em tin là những khó khăn còn tồn tại Nhà khách có thể vượt qua. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình và năng nổ sẽ vượt qua mọi thử thách, vững vàng hơn trong sản xuất kinh doanh có được vị trí xứng đáng trong ngành du lịch và thương mại.



## KẾT LUẬN

Quản lý VCD là một vấn đề khó khăn, phức tạp. Dù là doanh nghiệp có qui mô lớn hay nhỏ quản lý VCD vẫn luôn là vấn đề cốt lõi để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhất là những doanh nghiệp du lịch thì tầm quan trọng của VCD càng rõ nét hơn.

Sau 3 tuần kiến tập tại Nhà khách Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, em càng thấy được tầm quan trọng của công tác quản lý VCD đối với hoạt động kinh doanh của Nhà khách. Công tác quản lý VCD còn một số tồn tại nhưng nhìn chung cũng đã đem lại một hiệu quả nhất định.

Nhà khách cần có một cái nhìn sâu hơn về công tác quản lý VCD để từ đó hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác quản lý VCD nói riêng.